

Số: 30 /2021/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều theo Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao
trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng
12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và
Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn
luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối
với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa
bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 314/BC-BVHXXH ngày 04 tháng 12 năm
2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XVI, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
4. Thay thế Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai. *Mil*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Văn hoá, TT&DL, bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Cường

6



QUY ĐỊNH

**Nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao
và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Kèm theo Nghị quyết số 30 /2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai (không bao gồm đối tượng đã được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Điều 2 Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ), bao gồm:

a) Các giải thi đấu thể thao, các đội tuyển thể thao được tổ chức, thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Quy định này không áp dụng đối với trường hợp kinh phí thực hiện do nguồn tài trợ. Các nội dung, mức chi trong trường hợp kinh phí được tài trợ thực hiện theo thỏa thuận giữa ban tổ chức giải với nhà tài trợ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Huấn luyện viên, vận động viên tập trung luyện tập, thi đấu tại: Đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện; đội tuyển trẻ cấp huyện, đội tuyển năng khiếu cấp huyện.

b) Vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao được tổ chức theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu.

d) Lực lượng công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ tổ chức giải thi đấu.

Điều 2. Nội dung, mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao

1. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Đội tuyển phong trào cấp tỉnh, đội tuyển ngành cấp tỉnh, đội tuyển cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày;

b) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển trẻ cấp huyện: 175.000 đồng/người/ngày;

c) Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 140.000 đồng/người/ngày.

2. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh; đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện; đội tuyển trẻ cấp huyện: 240.000 đồng/người/ngày;

b) Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày.

3. Tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên:

a) Đối với huấn luyện viên đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện; đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển trẻ cấp huyện: 180.000 đồng/người/ngày;

b) Đối với huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;

c) Đối với vận động viên đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển ngành cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện: 75.000 đồng/người/ngày;

d) Đối với vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển trẻ cấp huyện: 55.000 đồng/người/ngày;

đ) Đối với vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 45.000 đồng/người/ngày.

e) Đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu được hưởng nguyên tiền lương hiện hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên chi trả. Trường hợp mức lương bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng thấp hơn so với mức tiền lương quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thì cơ quan, đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm chi trả một phần chênh lệch để đảm bảo bằng các mức quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này. Mức tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu chia cho 26 ngày.

4. Tiền thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao: Căn cứ vào tình hình thực tế, đặc thù của từng môn thi đấu và khả năng ngân sách của địa phương, đơn vị sử dụng vận động viên xây dựng dự toán chi hàng năm trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 3. Nội dung, mức chi đối với tổ chức các giải đấu thể thao

1. Chi tiền ăn trong quá trình tổ chức giải cho thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký (thời gian tối đa 02 ngày gồm: 01 ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu):

a) Đối với đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh; hội thi thể thao cấp tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh: 180.000 đồng/người/ngày;

b) Đối với đại hội thể dục thể thao cấp huyện; hội thi thể thao cấp huyện; các giải thi đấu thể thao cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày.

2. Chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế, hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế đối với đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh; hội thi thể thao cấp tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh:

a) Các thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn: 95.000 đồng/người/ngày;

b) Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 70.000 đồng/người/ngày;

c) Giám sát, trọng tài chính: 70.000 đồng/người/buổi hoặc trận đấu;

d) Thư ký, trọng tài khác: 60.000 đồng/người/buổi hoặc trận đấu;

đ) Công an, y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 55.000 đồng/người/buổi.

3. Chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế, hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế đối với đại hội thể dục thể thao cấp huyện; hội thi thể thao cấp huyện; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:

a) Các thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn: 75.000 đồng/người/ngày;

b) Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng/người/ngày;

c) Giám sát, trọng tài chính: 55.000 đồng/người/buổi hoặc trận đấu;

d) Thư ký, trọng tài khác: 50.000 đồng/người/buổi hoặc trận đấu;

đ) Công an, y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 45.000 đồng/người/buổi.

4. Chi tiền giải thưởng cho các giải cá nhân đối với các giải thi đấu vô địch cấp tỉnh:

a) Giải nhất (huy chương vàng): 2.400.000 đồng;

b) Giải nhì (huy chương bạc): 1.200.000 đồng;

c) Giải ba (huy chương đồng): 850.000 đồng;

d) Giải khuyến khích: 600.000 đồng.

5. Chi tiền giải thưởng cho các giải cá nhân đối với các giải thi đấu trẻ cấp tỉnh, giải phong trào toàn tỉnh, các giải thi đấu thể thao cấp huyện:

a) Giải nhất (huy chương vàng): 1.200.000 đồng;

b) Giải nhì (huy chương bạc): 850.000 đồng;

c) Giải ba (huy chương đồng): 600.000 đồng;

d) Giải khuyến khích: 350.000 đồng.

6. Chi tiền giải thưởng cho các giải toàn đoàn đối với giải thi đấu vô địch cấp tỉnh:

- a) Giải nhất (huy chương vàng): 6.000.000 đồng;
- b) Giải nhì (huy chương bạc): 3.500.000 đồng;
- c) Giải ba (huy chương đồng): 2.400.000 đồng;
- d) Giải khuyến khích: 1.200.000 đồng.

7. Chi tiền giải thưởng cho các giải toàn đoàn đối với giải thi đấu trẻ cấp tỉnh, giải phong trào toàn tỉnh, các giải thi đấu thể thao cấp huyện:

- a) Giải nhất (huy chương vàng): 2.400.000 đồng;
- b) Giải nhì (huy chương bạc): 1.800.000 đồng;
- c) Giải ba (huy chương đồng): 1.200.000 đồng;
- d) Giải khuyến khích: 950.000 đồng.

8. Chi tiền giải thưởng đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đôi và đồng đội: Bằng số lượng vận động viên lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

9. Chi tiền giải thưởng đối với những môn thể thao tập thể: Bằng số lượng vận động viên lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

10. Đối với các giải thi đấu giao hữu thể thao quốc tế, giao hữu thể thao với các tỉnh trong nước tùy theo quy mô của từng giải, chế độ hiện hành, đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí gửi cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành.

11. Các khối, ngành, cơ quan, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai được vận dụng các mức chi quy định tại Điều này để quy định mức chi cụ thể (phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị) khi tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, tham gia các giải thi đấu thể thao do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện gồm: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp; nguồn thu bán vé xem thi đấu; quảng cáo; nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ và các khoản thu hợp pháp khác.

2. Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải, gồm: Chi phí chi sân bãi, thông tin, tuyên truyền, trọng tài, tiền thưởng, làm huy chương, cờ, cúp; chi cho tổ chức màn đồng diễn, diễu hành; chi cho lực lượng công an, bảo vệ, y tế; chi hoạt động của Ban Tổ chức (chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ, chi tiền ăn, tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ theo chế độ quy định) trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn thu huy động được.

3. Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí cho việc đi lại, chế độ dinh dưỡng, tiền công, thuê chỗ nghỉ, bảo hiểm tai nạn, chăm sóc, khám, chữa bệnh, khắc phục tai nạn cho vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ trực thuộc đoàn thể thao.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./
